

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN Đ  
TỈNH KIÊN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST.

Ngày: 30/5/2023.

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN Đ – TỈNH KIÊN G**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn A**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn D

2. Ông Nguyễn Thành T

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thành N** – Thư ký TAND huyện Hòn Đ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ tham gia phiên tòa:* Ông **Bùi Đức M** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị D1**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Lê Bàn Q**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T1** (Tòa, Tỏ), sinh năm 1957 và bà **Thị T2**, sinh năm 1967 (đều vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 5 ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:* Ông **Lê Anh Q1**, sinh năm 1966 (chồng bà D1 - có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Rô Men, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

### **NỘI D1 VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2022; trong quá trình xét xử và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Bằng Q trình bày như sau:*

Vào ngày 08/01/2020 mẹ của tôi là bà Đặng Thị D1 có cho vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Thị T2 vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng, với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn cho vay là 05 tháng kể từ ngày vay và lãi đóng hàng tháng và ông T1 có nói nếu không trả cho mẹ tôi sẽ bán phần nhà để trả nợ cho mẹ tôi nhưng vẫn không thực hiện. Đến ngày 08/11/2021 hai bên thống nhất viết giấy khuất nợ với số tiền gốc là 75.000.000 đồng (thực tế là 60.000.000 đồng tiền gốc + 15.000.000 đồng tiền lãi) và hẹn đến ngày 08/01/2022 trả cho mẹ tôi số tiền gốc là 25.000.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như trả lãi cho mẹ tôi mặc dù mẹ tôi đã điện thoại cho ông T1, bà T2 cũng như tới nhà tìm ông T1, bà T2 nhưng vẫn không chịu trả nợ.

Quá trình vay ông T1, bà T2 có trả cho mẹ tôi số tiền lãi như sau: Ngày 24/12/2021 trả 6.000.000 đồng (ông Út Chính nhận dùm); Ngày 01/7/2021 trả 9.000.000 đồng (bà Đoàn Kim Anh em dâu của ông 5 Q1 nhận dùm); Ngày 4/6/2022 trả 10.000.000 đồng (bà Đoàn Kim Anh em dâu của ông 5 Q1 nhận dùm); Ngày 11/7/2022 trả 3.500.000 đồng (bà Đặng Thanh Thư nhận dùm).

Tại phiên tòa hôm nay ông Lê Bằng Q yêu cầu phía ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 phải trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền gốc là 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu vợ chồng bà T2 và ông T1 trả một lần.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 trình bày như sau:*

Vợ chồng chúng tôi thừa nhận thời gian trước đây chúng tôi có vay của bà Đặng Thị D1 số tiền gốc 60.000.000 đồng (không nhớ ngày vay), với lãi suất hàng tháng 3.000.000 đồng, quá trình vay vợ chồng tôi có đóng lãi hàng tháng cho bà D1 (không nhớ đóng bao nhiêu), thời điểm vay vợ chồng tôi đóng lãi cho bà D1 không có

biên nhận, sau khi qua dịch Covid thì chúng tôi tiếp tục đóng lãi cho phía bà D1 với tổng số tiền là 22.500.000 đồng (có biên nhận), ngày 24/12/2021 trả 6.000.000 đồng (ông Út Chính nhận dùm); ngày 01/7/2021 trả 9.000.000 đồng (bà Đoàn Kim Anh - em dâu của ông 5 Q1 nhận dùm); ngày 04/6/2022 trả 10.000.000 đồng (bà Đoàn Kim Anh - em dâu của ông 5 Q1 nhận dùm); ngày 11/7/2022 trả 3.500.000 đồng (bà Đặng Thanh Thu nhận dùm).

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Bằng Q yêu cầu vợ chồng tôi phải trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền gốc là 60.000.000 đồng thì vợ chồng chúng tôi cũng đồng ý trả tiền gốc là 60.000.00 đồng này. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình chúng tôi gặp nhiều khó khăn nên đề nghị được trả cho bà D1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này. Chúng tôi không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng trước đây cho bà D1.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q ông Lê Anh Q trình bày:*

Tôi và bà Đặng Thị D1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay vợ tôi là bà Đặng Thị D1 khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ để yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc phía ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 phải trả cho vợ tôi số tiền còn nợ theo quy định của pháp luật

Đối với số tiền này chúng tôi là vợ chồng thì chúng tôi tự sắp xếp với nhau, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, tôi cũng không có yêu cầu độc lập. Ý kiến của vợ tôi tại phiên tòa như thế nào thì tôi cũng đồng ý, tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời do bận công việc, nhà ở xa, không có thời gian đi lại nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm.

*\* Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu Q điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội D1 vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Buộc phía ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 phải trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn do phía nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi. Đồng thời buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*[1] Về Q hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội D1 đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Đặng Thị D1 với bị đơn ông Lê Văn T1, bà Thị T2. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đ, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đ theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

*[2] Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q là ông Lê Anh Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[3] Về nội D1 vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Trước đây vào ngày 08/01/2020 vợ chồng ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 có vay của bà Đặng Thị D1 số tiền là 60.000.000 đồng, giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất, khi vay giữa hai bên không có lập biên nhận nợ, đến ngày 08/11/2021 thì các bên mới làm tờ giấy khát nợ. Lý do từ ngày vay đến ngày 08/11/2021 phía bà D1 có liên hệ phía ông T1 và bà T2 để trả số nợ gốc thì ông T1 và bà T2 cứ hứa hẹn nhưng chưa thực hiện. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 đều thừa nhận

còn nợ phía bà Đặng Thị D1 số tiền vay gốc nêu trên, nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía người đại diện theo ủy quyền của phía nguyên đơn yêu cầu phía ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 phải trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng, không yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền lãi. Phía nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D1. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D1 là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cũng thừa nhận có vay số tiền nêu trên và hiện tại ông T1 và bà T2 còn nợ bà D1 số tiền vay gốc là 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà D1 nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện tại quá khó khăn nên xin được trả dần số tiền này mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ. Như vậy yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Đối với số tiền lãi trước đây phía vợ chồng ông Tỏa và bà T2 đã đóng cho bà D1 phía vợ chồng ông bà không yêu cầu tòa án xem xét tính lại nên miễn xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi. Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đ là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía bị đơn. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX miễn xét.

[4] Về án phí DSST : Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Lê Văn T1 và bà Thị T2 phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị D1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D1. Buộc ông Lê Văn T1 (Tòa, Tò) và bà Thị T2 phải trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị D1 về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc và tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu.

3/. Về án phí: Buộc ông Lê Văn T1 (Tòa, Tò) và bà Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.145.000 đồng theo biên lai thu số 0004392 ngày 08/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đ.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- VKS nhân dân huyện Hòn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn A**